

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC ĐỘ TUỔI 3- 4 TUỔI NĂM HỌC 2024-2025

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-TrMN ngày tháng 9 năm 2024 của Trường Mầm non Diễm Kỳ)

1. Khung kế hoạch thời gian thực hiện chương trình

Chủ đề	Chủ đề nhánh	Thời gian thực hiện
Tuần từ 5/9 đến 13/9 khai giảng, ổn định tổ chức, rèn nề nếp cho trẻ		
Bé đến trường mầm non và vui tết trung thu (4T)	Bé vui tết trung thu	16/09- 20/09
	Lớp học của bé	23/09- 27/09
	Trường mầm non Diễm Kỳ thân yêu	30/09- 04/10
	Đồ dùng, đồ chơi trường mầm non	07/10- 11/10
Bé và Cơ thể bé (3T)	Ngày hội của Bà , của Mẹ...	14/10- 18/10
	Bé giới thiệu về mình	21/10- 25/10
	Những bộ phận trên Cơ thể bé	28/10- 01/11
	Bé cần gì để lớn lên khỏe mạnh	04/11- 08/11
Gia đình thân yêu của bé và ngày hội cô giáo (4T)	Gia đình thân yêu của bé	11/11- 15/11
	Ngày hội của Cô giáo	18/11- 22/11
	Đồ dùng gia đình bé	25/11- 29/11
	Nhu cầu của gia đình	02/12- 06/12
Những nghề bé yêu và ngày lễ 22/12 (5 T)	Bé yêu bác nông dân	09/12- 13/12
	Bé yêu chú bộ đội	16/12- 20/12
	Bé yêu cô chú công nhân xây dựng	23/12- 27/12
	Bé thích làm bác sỹ	30/12- 03/01
	Bé yêu cô bán hàng	06/01- 10/01
Thế giới thực vật và tết cổ truyền (4T)	Một số rau	13/01- 17/01
	Bé vui đón tết	20/01- 24/01
	Từ 25/01 đến ngày 02/02 nghỉ tết, ổn định nề nếp sau tết	
	Một số loại quả	03/02- 07/02
	Cây xanh cần gì để phát triển	10/02- 14/02
Những con vật gần gũi và ngày 8/3 (4T)	Con vật sống trong gia đình	17/02- 21/02
	Những con vật sống dưới nước	24/02- 28/02
	Vui ngày 8/3	03/03- 07/03
	Động vật sống trong rừng	10/03- 14/03
Phương tiện- quy định giao thông (4T)	Phương tiện, QĐGT đường bộ, đường sắt	17/03- 21/03
	Thực hành giao thông đường bộ	24/03- 28/03
	Phương tiện, QĐGT đường thủy	31/03- 04/04

	Phương tiện, QĐGT đường không	07/04- 11/04
Nước và các hiện tượng thiên nhiên (3T)	Nước - Không khí	14/04- 18/04
	Các hiện tượng tự nhiên	21/04- 25/04
	Mùa hè của bé	28/04- 02/05
Quê hương yêu dấu- Bác Hồ của em (3T)	Diễn Kỷ quê em	05/05- 09/05
	Việt Nam đất nước của em	12/05- 16/05
	Bác Hồ Kính yêu	19/05- 16/05

2. Kế hoạch nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe

Nội dung	Phương pháp hình thức thực hiện	Người thực hiện, người phối hợp thực hiện	Lưu ý/ điều chỉnh
1. Tổ chức bữa ăn	a. Số lượng và chất lượng bữa ăn: - Số bữa ăn: Một bữa chính và một bữa phụ. - Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi: - Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một cả ngày: 615 - 726 Kcal. - Năng lượng phân phối cho các bữa ăn: Bữa chính buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp từ 15% đến 25% năng lượng cả ngày. - Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu: + Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13%- 20% năng lượng khẩu phần. + Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 25%- 35% năng lượng khẩu phần. + Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 52%- 60% năng lượng khẩu phần. - Bữa ăn bán trú nên đáp ứng các tiêu chuẩn: Khuyến khích bữa chính có trên 10 loại thực phẩm và có từ 3 đến 5 loại rau, củ; thực đơn bữa chính của trẻ mẫu giáo gồm: cơm, món xào, món mặn, canh và tráng miệng; - Nhằm kích thích trẻ hứng thú tham gia hoạt động ăn tại trường, tạo cơ hội rèn kỹ năng tự phục vụ của trẻ, cần đổi mới hình thức tổ chức ăn cho trẻ như ăn tự chọn, bữa ăn gia đình, ăn bằng khay... nhưng vẫn phải đảm bảo nguyên tắc vệ sinh toàn toàn thực phẩm, cân đối các chất dinh	CBQL, Giáo viên, , nhân viên nấu ăn, Phụ huynh	

	dưỡng, công bằng với trẻ trong hoạt động ăn - Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa. - Nước uống: khoảng 1,6 - 2,0 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn). - Nước uống cho trẻ phải được đun sôi kỹ hoặc sử dụng nước uống đóng chai đã được kiểm nghiệm và đựng trong bình hay ấm có nắp đậy kín và nên sử dụng trong ngày, không được dùng nước sôi để 2-3 ngày vẫn sử dụng lại. Mùa đông chú ý ủ nước ấm cho trẻ uống. b. Chăm sóc bữa ăn <i>* Trước khi ăn:</i> - Tổ chức cho trẻ vệ sinh rửa tay lau mặt sạch sẽ. - Chuẩn bị đầy đủ bàn ghế, khăn, đĩa, lọ hoa, giấy lau,...Cô khuyến khích động viên trẻ cùng kê bàn, trang trí bàn ăn cùng với cô. - Tổ chức cho trẻ ăn tại lớp phải đảm bảo thoáng mát, không kê bàn ăn sát nhau, đảm bảo khoảng cách giữa các trẻ, giáo dục trẻ kỹ năng vệ sinh trước và sau khi ăn; <i>* Trong khi ăn:</i> - Kết hợp giáo dục trẻ hành vi vệ sinh văn minh trong ăn uống: biết mời cô và các bạn trước khi bắt đầu ăn, ngồi ăn ngay ngắn, không co chân lên ghế, ăn từ tốn, nhai kỹ, không nói chuyện và đùa nghịch trong khi ăn. Giáo viên cần tạo không khí vui vẻ trong khi ăn. - Cần quan tâm hơn đối với những trẻ mới đi học, trẻ mới tập ăn, trẻ biếng ăn, trẻ ăn chậm, trẻ yếu hay trẻ mới ốm dậy. - Khi trẻ có biểu hiện ăn kém, cô giáo phải tìm hiểu nguyên nhân để tìm biện pháp hỗ trợ trẻ. - Chú ý đề phòng nguy cơ trẻ bị hóc, sặc trong khi cho trẻ ăn và cô cần nắm được thao tác sơ, cấp cứu khi trẻ bị hóc, sặc, ngạt, tắc đường thở. Nhà trường có thể thay đổi các hình thức tổ chức bữa ăn theo ngày hoặc mỗi tuần 1 bữa (ăn tự chọn, bữa ăn gia đình..) để cho trẻ có hứng thú trong bữa ăn, rèn kỹ năng tự phục vụ nhưng phải đảm bảo an toàn phẩm và dinh dưỡng cho trẻ <i>* Sau khi ăn:</i> - Giáo viên hướng dẫn trẻ cất bát thìa, ghế vào nơi qui định nhắc trẻ lau miệng, uống nước, đi vệ		
--	---	--	--

	sinh. Súc miệng trước khi đi ngủ để tránh trẻ ngậm thức ăn trong miệng và không bị sâu răng. - Đồ dùng cá nhân khăn mặt, ca cốc uống nước, phải có ký hiệu đảm bảo an toàn vệ sinh và tuyệt đối không được dùng chung; - Nhà trường phối hợp phụ huynh để kiểm tra giám sát việc chuẩn bị tổ chức bữa ăn cho trẻ tại nhà bếp và nhóm lớp để nhắc nhở, điều chỉnh kịp thời khi thấy những việc chưa phù hợp.		
2. Tổ chức giấc ngủ	- Tổ chức cho trẻ ngủ một giấc buổi trưa (khoảng 150 phút). * Trước lúc cho trẻ ngủ: - Kiểm tra xem trẻ có ngậm thức ăn trong miệng không, nhắc trẻ có thói quen uống nước trước khi đi ngủ. - Tập cho trẻ tự đi vệ sinh, lấy chăn gối (phù hợp với tầng độ tuổi); - Kiểm tra số trẻ trong lớp tránh trường hợp trẻ đi ra ngoài lớp. Giáo viên chú ý cởi bớt quần áo cho trẻ trước lúc ngủ (đối với mùa đông). * Trong khi ngủ - Giáo viên phải trực để quan sát trẻ, xử lý kịp thời các tình huống có thể xảy ra trong khi ngủ. - Thời gian trẻ mới đến trường chưa quen ngủ trưa, lạ lớp, lạ bạn, lạ MT trẻ khó ngủ giáo viên động viên trẻ và có thể cho trẻ ngủ sau, không được dọa nạt, phạt mắng trẻ. Giáo viên động viên trẻ nói nhỏ nhẹ không làm ảnh hưởng đến giấc ngủ bạn khác * Sau khi thức dậy - Giáo viên cần quan tâm đến những trẻ đang muốn ngủ, ngại ngủ có thể cho trẻ dậy sau tránh thức giấc đột ngột làm ảnh hưởng đến tâm lý trẻ, trẻ mệt mỏi không muốn tham gia hoạt động chiều. - Tập cho trẻ thói quen đi vệ sinh sau khi ngủ dậy, cất gối, chiếu vào nơi qui định, cho trẻ chơi 1 trò chơi chuyển tiếp hoặc trò chuyện, hát để tập cho trẻ thoải mái trước khi vào ăn bữa phụ.	- Giáo viên chủ nhiệm - Nhân viên nấu ăn	
3. Tổ chức vệ sinh	a.Vệ sinh cô: - Đối với giáo viên khi thực hiện chăm sóc trẻ: Đảm bảo quần, áo, đầu tóc gọn gàng, móng tay được cắt ngắn, trước lúc cho trẻ ăn hoặc tiếp xúc với thức ăn, chăm sóc trẻ bàn tay luôn được vệ sinh sạch sẽ, rửa tay bằng xà phòng. Đeo khẩu	Giáo viên và bảo vệ	

	trang khi chia thức ăn cho trẻ - Khám sức khỏe định kỳ hàng năm b. Vệ sinh cá nhân trẻ - Yêu cầu phải chuẩn bị đủ đồ dùng vệ sinh cá nhân cho trẻ và đồ dùng phải có ký hiệu riêng, tuyệt đối không được dùng chung. - Tập cho trẻ thói quen vệ sinh rửa tay sau khi học, chơi xong, trước và sau khi ăn, vệ sinh khi tay bẩn; nhà trường phải chuẩn bị đủ cho các lớp nước rửa tay hoặc xà phòng (xà phòng, nước rửa tay, dung dịch sát khuẩn phải để ở vị trí thích hợp tiện cho trẻ khi sử dụng). - Các lớp đều có giấy vệ sinh cho trẻ đảm bảo chất lượng; có khăn giấy để cho trẻ lau mũi khi cần và giấy tại nhà vệ sinh. - Trong vệ sinh cá nhân yêu cầu giáo viên cần quan tâm đến trẻ trong giờ đón, trả trẻ tránh trường hợp quần áo có mùi mồ hôi đến lớp sẽ không đảm bảo vệ sinh cho bạn ngồi bên cạnh (nhắc phụ huynh đưa thêm quần áo dự phòng để gv có thể tắm, thay quần áo cho trẻ khi cần thiết). - Trong thời điểm dịch bệnh đang xảy ra yêu cầu giáo viên thực hiện tốt việc chăm sóc vệ sinh cá nhân cho trẻ; hướng dẫn trẻ súc miệng, Giáo viên có thể pha nước muối loãng để tại lớp cho trẻ súc miệng. - Quần áo, giày dép của trẻ phải đảm bảo sạch sẽ, gọn gàng, tuyên truyền, phối hợp với phụ huynh rèn cho trẻ thói quen chăm sóc vệ sinh cá nhân, mặc quần áo phù hợp với mùa. c. Vệ sinh môi trường nhóm, lớp <i>* Vệ sinh đồ dùng, đồ chơi:</i> - Xây dựng lịch để vệ sinh lau chùi đồ dùng, đồ chơi hàng tuần, hằng ngày tùy theo điều kiện của lớp học; Làm sao đồ dùng đồ chơi không bị bụi bẩn, trần nhà, cửa sổ không có bụi bẩn, sắp xếp phòng kho của lớp gọn gàng, khoa học để dễ lấy, để chất tránh đồ dùng chất đầy, luộm thuộm trong kho nên hằng ngày giáo viên lười không đưa ra sử dụng. - Đồ dùng cốc uống nước, thìa, bát được rửa sạch và tiệt trùng hằng ngày bằng nước sôi hoặc hấp sấy; - Đồ dùng bàn ghế mỗi tuần vệ sinh lau rửa 1 lần; Chăn gối được phơi thường xuyên khi có nắng,		
--	--	--	--

	giặt mỗi tuần, hoặc vài tuần một lần tùy điều kiện thực tế của nhà trường nhưng phải đảm bảo vệ sinh. - Nhà vệ sinh của trẻ: Nhà vệ sinh cần được cọ rửa sạch sẽ hằng ngày trước khi ra về. Hằng tuần tổng vệ sinh toàn bộ khu vực này. - Bô đi vệ sinh của trẻ được cọ rửa bằng dung dịch sát khuẩn hằng ngày và được úp khô ráo. + Dùng dung dịch sát khuẩn có chứa clo để tẩy rửa bề mặt sàn nhà vệ sinh và bồn cầu. Rửa sạch thảm chống trượt bằng xà phòng. Lau khô sàn nhà vệ sinh, không để ẩm và ứ đọng nước. + Nền nhà vệ sinh luôn phải khô ráo. + Phải cất các sản phẩm tẩy rửa ở nơi an toàn. + Không có mùi hôi khai của nước tiểu và phân. + Không dùng khoá cửa trong nhà vệ sinh của trẻ. + Mùa đông pha nước ấm cho trẻ rửa tay, lau mặt. + Không để giấy vệ sinh bên cạnh nguồn nước. Sử dụng thùng chứa có nắp cho giấy vệ sinh đã qua sử dụng. + Hướng dẫn và giám sát trẻ thực hiện đúng kỹ năng vệ sinh (giáo viên hỗ trợ trẻ đối với trẻ nhỏ chưa thực hiện được các kỹ năng vệ sinh). + Kiểm soát thời gian đi vệ sinh của trẻ (trẻ mẫu giáo). <i>* Xử lý rác và nước thải trong nhà trường</i> - Phải có thùng rác tại các lớp: Vừa đảm bảo vệ sinh vừa GD trẻ có ý thức bỏ rác đúng nơi qui định, thùng rác phải có nắp đậy và được xử lý hằng ngày. - Nhà trường phải chú trọng việc xử lý các nguồn nước thải trong nhà trường, thường xuyên tổ chức vệ sinh khơi thông cống rãnh tránh nước ứ đọng. - Chú ý nguồn nước sinh hoạt, nếu có hiện tượng bẩn, khắm ố màu phải kiểm tra và xử lý nguồn nước sinh hoạt.		
4. Tổ chức chăm sóc sức khỏe và an toàn	<i>a. Chăm sóc sức khỏe</i> <i>* Khám sức khỏe</i> - Trong năm học, nhà trường phối hợp với các cơ sở y tế có đủ điều kiện tổ chức khám, điều trị theo các chuyên khoa như: Nhi khoa, mắt, tai – mũi – họng, răng – hàm – mặt, cơ – xương –	- CBQL - Giáo viên	

	khớp... nhằm phát hiện sớm bệnh tật của trẻ, có biện pháp điều trị thích hợp. - Nhà trường tổ chức khám sức khỏe cho trẻ một năm ít nhất 1 lần; Lưu ý khi kiểm tra sức khỏe cho trẻ cần phải ghi đầy đủ các nội dung yêu cầu tại sổ sức khỏe; thông báo kết quả cho cha mẹ trẻ biết sau khi khám sức khỏe <i>* Theo dõi quá trình phát triển thể lực của trẻ.</i> - Theo dõi biểu đồ phát triển trẻ về chỉ số cân nặng và chiều cao - Theo dõi cân nặng, chiều cao 3 tháng/lần (vào tháng 9, 12/2024 và tháng 3/2025); - Đối với trẻ suy dinh dưỡng, béo phì theo dõi mỗi tháng 1 lần: có sổ ghi chép và đánh giá sự tiến bộ của trẻ, đưa ra các giải pháp để phối hợp phụ huynh chăm sóc trẻ. b. Phòng và xử lý các bệnh thường gặp: - Phối hợp với trung tâm y tế tuyên truyền với phụ huynh thực hiện đúng lịch tiêm chủng; tuyên truyền cho phụ huynh hiểu được một số tác dụng phụ sau khi trẻ đi tiêm chủng. - Phòng tránh một số dịch bệnh thường xảy ra ở trẻ, và một số dịch bệnh đang lây lan trên địa bàn. Chú ý khi trẻ trong nhà trường bị nhiều trẻ mắc một số bệnh (sốt vi rút, quai bị, sởi, thủy đậu...) cần báo cho gia đình và trung tâm y tế biết để phối hợp xử lý tránh lây lan trong nhà trường. c. Phát hiện sớm và chăm sóc trẻ bị ốm - Bồi dưỡng cho giáo viên cách phát hiện trẻ bị ốm (Sốt, ho, viêm đẹn hô hấp, tiêu chảy..) cách phát hiện các triệu chứng của các bệnh thường gặp ở trẻ, chăm sóc trẻ khi sốt, ho ỉa chảy - Xây dựng tủ thuốc nhà trường yêu cầu có những loại cơ bản sau: + Thuốc sát trùng ngoài da (cồn 70%, Cồn iốt loãng 2,5%). + Thuốc hạ sốt. + OERSOL. + Thuốc nhỏ mắt trẻ em + Nhiệt kế, kéo, kẹp bông (pince), các loại nẹp, băng vải để cố định khi có trẻ bị gãy xương. + Bông thấm nước, gạc sạch, băng cuộn, băng dính, dầu cao. Lưu ý: Tủ thuốc để tại phòng y tế, thuốc có nhãn	chủ nhiệm - Nhân viên y tế, - Trạm y tế xã, - Phụ huynh	
--	--	--	--

	mác và hạn sử dụng, tủ thuốc phải được khóa là giữ sạch sẽ không để các thứ khác vào tủ thuốc. Giáo viên không được tự ý dùng kháng sinh cho trẻ và các loại thuốc khác khi chưa có sự hướng dẫn của nhân viên y tế. Nếu trẻ bị một phụ huynh gửi thuốc nhờ cho trẻ uống thì cần phải có sổ ghi rõ các loại thuốc, phụ huynh hướng dẫn nhờ cho trẻ uống và có sự ký nhận, ký gửi giữa phụ huynh và giáo viên. d. Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp - Xây dựng phương án đảm bảo an toàn phù hợp với từng nhà trường và địa phương, đặc biệt chú ý phòng chống dịch Covid- 19 - Chú trọng làm tốt công tác tuyên truyền, phối hợp với phụ huynh để thực hiện có hiệu quả công tác đảm bảo an toàn cho trẻ. - Phối hợp trung tâm y tế để bồi dưỡng cho giáo viên về kỹ năng xử trí một số tai nạn thường gặp ở trẻ.		
--	---	--	--

3. Kế hoạch hoạt động chăm sóc, giáo dục độ tuổi 3- 4 tuổi

Mục tiêu	Nội dung
1. Lĩnh vực giáo dục phát triển thể chất	
* Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe.	
1.Trẻ khỏe mạnh. Cân nặng và chiều cao nằm trong kênh A - Cân nặng: + Trẻ trai:12,7 - 21,2kg. + Trẻ gái: 12,3 - 21,5kg - Chiều cao (cm) : + Trẻ trai: 94,9 - 111,7 cm + Trẻ gái: 94,1 - 111,3 cm	- Ăn uống đủ chất dinh dưỡng hợp lý - Tập các bài tập thể dục thường xuyên - Cân đo, theo dõi qua biểu đồ tăng trưởng - Cân đo theo dõi trẻ duy dinh dưỡng hàng tháng, phòng chống béo phì cho trẻ - Trẻ được khám sức khỏe ít nhất 1 lần trong năm học. ưỡng, béo phì.

2. Nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh.	- Dạy trẻ nhận biết phân biệt và gọi đúng tên một số thực phẩm như tôm, cá thịt lợn , thịt gà, thịt bò, trứng, sữa, rau cải , rau muống, xu hào , cải bắp, cà chua , đậu phụ...
3. Trẻ biết tên một số món ăn hàng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau...	- Dạy trẻ nhận biết và gọi đúng tên món ăn quen thuộc như trứng gà cuộn, thịt gà nấu xáo, tôm rim mặn ngọt, cá thu dầm bông, thịt lợn rim gấc, Bí đỏ xào, rau muống xào, canh rau vệt, canh rau cải nấu thịt bò...
4.Trẻ biết ăn để chóng lớn, khoẻ mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.	- Dạy trẻ biết một số thực phẩm có lợi cho sức khỏe: ăn nhiều rau xanh thẫm, quả có màu vàng, đỏ có lợi cho mắt, cá tôm, bắp cải, cà rốt có lợi cho răng, ăn nhiều rau xanh, quả chín đẹp da... - Trẻ ăn hết khẩu phần ăn trong ngày, bữa ăn ở trường và ở nhà - Dạy trẻ ăn uống đủ lượng và đủ chất, không ăn nhiều quá, không ăn ít quá - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).
5. Trẻ thực hiện một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt với sự giúp đỡ của người lớn.	- Dạy trẻ làm quen với các thao tác rửa tay, lau mặt + Tập rửa tay bằng xà phòng + Tập lau mặt bằng khăn ẩm. - Dạy trẻ một số kỹ năng tự phục vụ + Dạy trẻ kỹ năng súc miệng bằng nước muối. + Dạy trẻ xếp dép trước khi đi ngủ + Dạy trẻ biết lấy gối trước khi đi ngủ và cất gối sau khi ngủ dậy + Dạy trẻ kỹ năng lồng tất ,tháo tất. + Dạy trẻ kỹ năng đi dầy

	+ Dạy trẻ kỹ năng mặc áo, mặc quần và cởi quần, áo. - Trẻ biết thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ngủ, vệ sinh
6. Trẻ sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.	- Nhận biết các ký hiệu đồ dùng cá nhân của mình như khăn, cốc, - Dạy trẻ kỹ năng sử dụng thìa, bát đúng cách như tay phải cầm thìa để xúc cơm, tay trái giữ bát khi ăn cơm. - Dạy trẻ cách sử dụng cốc uống nước đúng cách, tự lấy nước uống, cất cốc đúng nơi quy định
7. Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống, trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở.	- Dạy trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống: + Rửa tay trước khi ăn, biết mời cô, mời bạn. + Trong khi ăn không nói chuyện nhai kỹ rồi nuốt, không xúc của bạn, không xúc của mình sang bạn. + Ăn xong biết xếp ghế, cất bát, súc miệng, lau miệng. + Dạy trẻ làm quen cách đánh răng. - Dạy trẻ một số kỹ năng phòng bệnh: + Dạy trẻ cách đeo khẩu trang đúng cách + Dạy trẻ biết đội mũ khi ra nắng , mặc áo ấm khi trời lạnh, đi tất khi trời lạnh, đổi dép khi vào lớp dép.. - Dạy trẻ không ăn quà vặt, không uống nước lã. - Dạy trẻ thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn , uống vệ sinh. - Dạy trẻ nhận biết một số biểu hiện khi ốm : nóng, sốt, ho, sổ mũi, lạnh
8. Trẻ nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm, nơi nguy hiểm, khi được nhắc nhở.	- Nhận biết và phòng tránh những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng như (bàn là, phích nước nóng, dao nhọn) những nơi không an toàn như (Ao, hồ,

	sông, suối, mương nước, giếng nước + Dạy trẻ phòng tránh các vật dụng dẫn điện gây điện giật
9. Biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở:	- Dạy trẻ không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt.... - Không tự lấy thuốc uống. - Không leo trèo bàn ghế, lan can. - Không nghịch các vật sắc nhọn. - Không theo người lạ ra khỏi nhà, khu vực trường lớp. - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.
* Phát triển vận động	
10. Trẻ thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn.	- Thể dục sáng, bài tập vận động cơ bản - Hô hấp: hít vào, thở ra - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên + Co và duỗi tay, bắt 2 tay trước ngực - Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước. + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải. - Chân: + Bước lên phía trước, bước sang ngang; ngồi xổm; đứng lên; bật tại chỗ. + Co duỗi chân.
11. Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động (Đi, ném, bước, bật)	- Đi trong đường hẹp. - Đi trong đường hẹp đầu đội túi cát - Đi kiễng gót. - Đi trên đường thẳng. - Đi trên ván kê dốc - Đi theo đường dích dắc - Bước lên, xuống bậc cao 30cm. - Ném xa bằng 1 tay. - Ném trúng đích bằng 1 tay - Bật tại chỗ. - Bật về phía trước.

	- Bật xa 20 - 25 cm.
12. Trẻ kiểm soát được vận động. (Chạy, đi, bò, trườn)	- Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. - Đi theo đường đích đặt. - Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. - Chạy thay đổi hướng theo đường đích đặt. - Bò theo hướng thẳng -- Bò chui qua cổng. - Bò theo đường đích đặt. - Trườn theo hướng thẳng - Trườn theo đường đích đặt
13. Trẻ biết phối hợp tay mắt trong vận động (Đập, tung, chuyền bóng)	- Tung bóng cho cô - Tung bóng lên cao bằng 2 tay - Chuyền bắt bóng 2 bên theo hàng ngang. - Chuyền bắt bóng 2 bên theo hàng dọc. - Tập đập – bắt bóng với cô
14. Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo léo trong thực hiện bài tập tổng hợp	- Đi nhanh nhẹn và phối hợp chân tay nhịp nhàng. - Bắt và tung bóng với cô bằng 2 tay - Bò chui, bật về phía trước - Chạy đổi hướng theo vật chuẩn - ném trúng đích.
15. Trẻ thực hiện được các vận động và phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động.	- Gập, đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay cổ tay, cuộn cổ tay. - Đan, tết. - Xếp chồng các hình khối khác nhau. - Xé, dán giấy. - Sử dụng kéo, bút. - Tô vẽ nguệch ngoạc. - Cài, cởi cúc.
2. Lĩnh vực giáo dục phát triển nhận thức	
* Khám phá khoa học	
16. Trẻ quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi, như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng.	- Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ. - Hiện tượng tự nhiên, cỏ cây , hoa , lá, con vật... - Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày
17. Trẻ sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối	- Chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể.

tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ,.. để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng. nhận biết đồ dùng đồ chơi	- Đặc điểm nổi bật công dụng cách sử dụng đồ dùng đồ chơi trong lớp, đồ dùng đồ chơi. - Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc. - Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây hoa, quả, quen thuộc
18. Trẻ làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng.	- Dạy trẻ làm thử nghiệm vật chìm nổi. - Dạy trẻ làm thử nghiệm chất tan, chất không tan. - Dạy trẻ tập pha màu nước - Dạy trẻ pha nước đường...
19. Trẻ thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng.	- Đồ dùng, đồ chơi trong trường mầm non. - Đồ dùng gia đình. - Đồ dùng, sản phẩm của một số nghề - Động vật nuôi trong gia đình, trong rừng, dưới nước... - Tìm hiểu một số loại hoa, loại quả, cây xanh, rau ăn lá , rau ăn củ... - Một số phương tiện giao thông đường bộ, đường sắt, đường hàng không, đường thủy... - Dạy trẻ tìm hiểu một vài đặc điểm, tính chất của đất đá cát sỏi.
20. Trẻ Phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật.	- Phân loại theo một số dấu hiệu nổi bật: - Đồ dùng đồ chơi bé trai, bé gái. + Phân loại đồ dùng để ăn, đồ dùng để uống, đồ dùng để ngủ. + Phân loại rau, củ, quả + Phân loại Phương tiện giao thông đường bộ, đường thủy, đường hàng không
21. Trẻ nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi.	- Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng. - Ích lợi của nước đối với đời sống con người, con vật, cây cối. - Một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày.
22. Trẻ mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô	- Dạy trẻ một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm. - Nhận biết dấu hiệu nổi bật của các hiện tượng tự nhiên

giáo.	- Mô tả đặc điểm nổi bật của hoa, quả, rau, củ, con vật, đồ dùng, đồ chơi,...
23. Thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình...	- Trẻ thể hiện, cảm nhận của mình khi quan sát các sự vật, hiện tượng trong các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình.
* Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán	
24. Quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng
25. Đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5.	- Một và nhiều - Đếm trên đối tượng trong phạm vi 2 - Đếm trên đối tượng trong phạm vi 3 - Đếm trên đối tượng trong phạm vi 4 - Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5
26. Trẻ so sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn	- Một và nhiều - Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi. - So sánh thêm bớt trong phạm vi 2 - So sánh thêm bớt trong phạm vi 3 - So sánh thêm bớt trong phạm vi 4 - So sánh thêm bớt trong phạm vi 5
27. Trẻ biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5.	- Gộp hai nhóm đối tượng và đếm
28. Trẻ biết tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm.	- Tách một nhóm có số lượng 2 thành hai nhóm. - Tách một nhóm có số lượng 3 thành hai nhóm. - Tách một nhóm có số lượng 4 thành hai nhóm. - Tách một nhóm có số lượng 5 thành hai nhóm. - Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ.
29. Trẻ nhận ra qui tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.	- Xếp xen kẽ theo quy tắc - Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi
30. Trẻ so sánh hai đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn/ nhỏ hơn; dài hơn/	- So sánh hai đối tượng về kích thước. + To hơn- Nhỏ hơn + Cao hơn - thấp hơn.

ngắn hơn; cao hơn/ thấp hơn; bằng nhau	+ Dài hơn - ngắn hơn.
31. Trẻ nhận dạng và gọi đúng tên các hình tròn, hình vuông, hình tam giác	- Nhận biết, gọi tên các hình: hình vuông, hình tam giác hình tròn, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế. - Sử dụng các hình hình học để ghép.
32. Trẻ sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân	- Dạy trẻ nhận biết phía trên - phía dưới, phía trước - phía sau, tay phải -tay trái của bản thân.
* Khám phá xã hội	
33. Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Trẻ biết tên tuổi giới tính của bản thân. + Dạy trẻ tự giới thiệu về mình
34. Trẻ nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình. Nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình	- Dạy trẻ biết được địa chỉ gia đình - Trẻ biết tên bố mẹ và các thành viên trong gia đình. - Nhu cầu gia đình
35. Trẻ nói được tên trường/lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Trẻ biết tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo. - Trẻ biết tên các bạn, đồ dùng đồ chơi của lớp - Trẻ biết các hoạt động của trẻ ở trường.
36. Trẻ kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng... khi được hỏi, xem tranh.	- Tên gọi, sản phẩm và ích lợi của một số nghề phổ biến.
37. Trẻ kể tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, tết trung thu, tết cổ truyền	- Tên các ngày lễ hội, của địa phương, đất nước trong năm như : Ngày khai giảng 05/9, Tết Trung thu, ngày 20/11, ngày 22/12, ngày 8/3, ngày tết cổ truyền...
38. Kể tên một vài danh lam, thắng cảnh ở địa phương.	- Cờ Tổ quốc, tên của di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh, quê hương, Bác Hồ - Nhận biết 1 số đặc điểm nổi bật về quê hương Diễn Kỷ; Diễn Châu, nghệ An với những địa danh: Đền An Dương Vương, Hồ Xuân Dương, Sông Bùng, Lèn Hai Vai, Quê Bác Hồ, Quảng Trường

	Hồ Chí Minh.... - Diễn Kỷ quê hương em - Diễn Châu mến yêu
3. Lĩnh vực giáo dục phát triển ngôn ngữ	
* Nghe hiểu lời nói	
39. Thực hiện được yêu cầu đơn giản, ví dụ: “Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ”.	- Trẻ hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản
40. Hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: quần áo, đồ chơi, hoa quả	- Hiểu các từ chỉ người như người thân trong gia đình, tên gọi đồ vật như đồ dùng trong gia đình,... sự vật, hành động như chơi thể thao, hiện tượng gần gũi, quen thuộc như hiện tượng tự nhiên...
41. Lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại.	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng. - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.
* Nói	
42. Nói rõ ràng các tiếng	- Phát âm các tiếng của tiếng Việt
43. Sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm ...	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu mở rộng. + Cô ơi con có áo mới + Thưa cô cháu muốn đi vệ sinh. + Thưa cô bạn a chảy máu....
44. Sử dụng được câu đơn, câu ghép.	- Trẻ trả lời và đặt các câu hỏi, ai? Cái gì? ở đâu? Khi nào?
45. Trẻ kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: thăm ông bà, đi chơi, xem phim,..	- Kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: thăm ông bà, đi chơi, xem phim,..
46. Trẻ đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	+ Nghe, đọc một số bài thơ, ca dao, đồng dao...phù hợp với độ tuổi. * Ca dao, đồng giao, tục ngữ, hò vè. * Đồng dao, ca dao: - Chi chi chành chành. - Nu na nu nống.

- Đi cầu đi quán.
- Kéo cưa lừa xẻ.
- Lúa ngô là cô đậu nành.
- Con kiến mà leo cành đa.
- Lộn cầu vòng.
- Dung dăng dung dẻ.
- Đố ai đếm được lá rừng.
- Cái bóng là cái bóng bang
- Anh em nào phải người xa
- Gánh gánh gồng gồng.
- Công cha như núi thái sơn.
- Con gà tục tác.
- Tiếng con chim ri
- Cày đồng đang buổi ban trưa.
- Bà còn đi chợ trời mưa

*** Đọc thơ**

*** Chủ điểm: Bé đến trường mầm non và vui tết trung thu**

Quà trung thu, Bạn mới(Nguyệt Mai), Cô giáo của con (Hà Quang), Bé không khóc nữa(Vũ Thị Minh Tâm), Tình bạn(Trần Thị Hương), Chơi bán hàng(Nguyễn Văn Thắng), Bập bênh(Trần Nguyên Đào), Giờ ăn(Lê Thị Hoa), Cô giáo của con (Hà Quang), Chúng ta đều là bạn(Phạm Mai Chi), Sáo học nói(Mai Ngọc Uyển), Gấu qua cầu(Ngọc Trân suu tầm), Mẹ và cô(Trần Quốc Toàn), [Giúp bạn\(Diễm Trang\)](#), [Nghe lời cô giáo\(Nguyễn Văn Chương\)](#)

*** Chủ điểm: Bé và Cơ thể bé**

Đôi mắt của em(Lê Thị Mỹ Phương), Miệng xinh(Phạm Hồ), Cái lưỡi(Lê Thị Mỹ Phương), Bạn của bé(Vương Trọng), Giờ ăn(Lê Thị Hoa), giờ ngủ(Lê Thị Hoa) ,Chối ngoan(Vũ Thị Minh Tâm), Mưa(suu tầm), Sáo học nói (Mai Ngọc Uyển), Đau (Vũ Duy Chu)

*** Chủ điểm: Gia đình thân yêu của bé và ngày hội cô giáo**

Thăm nhà bà (Luôn chỉ cho bà, Bé ngoan, Phải là hai tay, Cô giáo của con(Hà Quang), Cô và mẹ(Trần Quốc Toàn), Cô dạy(Phạm Hồ)... ,Têm vôi cho bà, Bé Hoa chia bánh, Gọn gàng ngăn nắp, Nụ cười, Chào hỏi nói năng..,Thương mẹ, Lời

	chào, Bà và cháu(Phạm Thị Thọ), Bé ngoan Thăm nhà bà(Như Mao), Luồn chỉ cho bà, Bé ngoan(Lương Bình - Kim Tuyên sưu tầm), Làm nghề như bố(Thu Quỳnh sưu tầm), Gió từ tay mẹ, chổi ngoan. * Chủ điểm Những nghề bé yêu và ngày lễ 22/12 Cây dây leo, Em làm thợ xây(Hoàng Dân), Bé làm bao nhiêu nghề(Yên Thao), Làm nghề như bố(Thu Quỳnh sưu tầm), Bé xếp nhà ,các cô thợ(Thy Ngọc),Bác nông dân, Hạt gạo làng ta(Trần Đăng Khoa), Làm bác sĩ(Lê Ngân) Chú giải phóng quân; Làm họa sỹ dễ thôi (Tùng Bách); Hươu cao cổ (Định Hải) * Chủ điểm Những con vật gần gũi Đàn gà con, Con chuồn chuồn ớt, Cún bông bị ốm, Bối tôi là vịt, Đàn kiến, Dán hoa tặng mẹ... * Chủ điểm Thế giới thực vật, tết cổ truyền và ngày 8/3 Cây dây leo, Cây đào, Hoa mào gà, Củ cà rốt, Tết đang vào nhà.... * Chủ điểm Phương tiện- quy định giao thông Bé và mẹ; Đèn giao thông, Đèn đỏ - đèn xanh, Đàn kiến nó đi, tập gấp máy bay. * Chủ điểm Nước và các hiện tượng thiên nhiên Cầu vồng, nước, Mưa làm nũng. * Chủ điểm Quê hương yêu dấu- Bác Hồ của em - Bé tập nói (Trần Thị Nhật Tân), Hoa quanh lăng Bác (Nguyễn Bảo), Bác Hồ của em (Phan Thanh Nhân), Quê em (Trần Đăng Khoa), Làng em buổi sáng (Nguyễn Đức Hậu), Cờ Việt Nam (Thy Ngọc), Ảnh Bác (Trần Đăng Khoa), Ngôi nhà (Tô Hà), Em yêu miền nam (Sưu tầm), Đàn Tơ-rưng (Sưu tầm), Vườn em (Trần Đăng Khoa).
	- Mô tả sự vật tranh ảnh có sự giúp đỡ - Kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe. *Truyện: Kể lại chuyện đã được nghe có sự giúp đỡ * Chủ điểm Bé đến trường mầm non và vui tết trung thu Anh chàng mèo mướp, Gấu qua cầu, Đôi bạn tốt, Chúng ta đều là bạn, Chú cuội cung trăng, Bàn Chải đánh răng (Thúy Hà dịch), Anh chàng mèo

	mướp, Đôi bạn thân, Ai tài giỏi hơn, Ba người bạn, chú vịt khăn, nếu không đi học * Chủ điểm: Bé và Cơ thể bé Cậu bé mũi dài(Lê Thị Hương – Lê Thị Đức sưu tầm), Món quà đặc biệt, Bé chẳng sợ tiêm, Đôi Tai Tôi dài quá, Ngôi nhà ngọt ngào, Gấu con bị đau răng, Bé Minh Quân dũng cảm(Minh Hương kể), Mỗi người một việc, vì sao gấu con bị sâu răng, Mè hoa, Lợn con sạch lắm rồi, Mỏ bẹt và mỏ nhọn, bướm bướm thơm * Chủ điểm: Gia đình thân yêu của bé và ngày hội cô giáo Anh em nhà thỏ, Tích Chu, Cháu ngoan(Huỳnh Thị Cúc), Ba cô tiên, Nhỏ củ cải, Mẹ , Gà Trống và Vịt Bầu(Lương Thị Lam), Một bó hoa tươi thắm, Cô bé quàng khăn đỏ, Chiếc bánh tặng mẹ, Quà tặng mẹ(Thu Hằng) , Bông hoa cúc trắng(Phong theo truyện nhật bản), chuột con tìm nhà(Phương Thảo- sưu tầm) * Chủ điểm Những nghề bé yêu và ngày lễ 22/12. Lợn và cừu, Sự tích hoa mào gà,Thần sắt(Theo truyện cổ dân tộc Thái), Ba chú lợn, Câu chuyện về chú xe ủi, Thỏ nâu làm vườn(Sưu tầm), Tiệm ắt tóc của khi con(Băng Tử), Sâu đo và bộ ngựa học nghề(Lan phương), Cây rau của thỏ út (Phong Thu) * Chủ điểm Những con vật gần gũi Ba con gấu, Bác gấu đen và hai chú thỏ, Chú thỏ tinh khôn, Thỏ con ăn gì, Gà trống và vịt, Rùa con tìm nhà. * Chủ điểm Thế giới thực vật, tết cổ truyền và ngày 8/3 Rau thìa là, Hoa đồng hồ, Sự tích hoa mào gà, Bé hành đi khám bệnh, Vương quốc rau, Hương thơm cả các loài hoa, Sự tích hạt thóc, Chú đỗ con, Khi con ăn chuối, Người trồng nho và con cái. * Chủ điểm Phương tiện- quy định giao thông Xe lu và xe ca, Xe đạp con trên đường phố, Ô tô con học bài. Vì sao thỏ cụt đuôi, tàu thủy, tý hon. * Chủ điểm Nước và các hiện tượng thiên nhiên Cóc kiện trời, Nàng tiên mưa, Cô con út của ông mặt trời, Đám mây đen xấu xí, gió và mặt trời * Chủ điểm Quê hương yêu dấu- Bác Hồ của em
--	--

	Sự tích hồ gươm, Hoa cúc áo, Ai ngoan sẽ được thưởng, Sự tích vua Hùng dạy dân cấy lúa. Sự tích ngày tết.
48. Trẻ bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện.	- Đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên. - Dạy trẻ kỹ năng diễn xuất đóng kịch
49. Sử dụng các từ vâng ạ, dạ, thưa, ... trong giao tiếp và nói đủ nghe, không nói lí nhí	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép. + Dạy trẻ kỹ năng lễ giáo khi đến lớp - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp
* Làm quen với đọc viết	
50. Đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giở sách xem tranh.	- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông, đường cho người đi bộ. - Tiếp xúc với chữ, sách truyện. - Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và ‘đọc’ truyện.
51. Nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh.	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt:
52. Trẻ thích vẽ, viết nguệch ngoạc	+ Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. - Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu - Giữ gìn sách cẩn thận.
4. Lĩnh vực giáo dục phát triển tình cảm xã hội.	
53. Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân. Nói được điều bé thích, không thích.	- Tên, tuổi, giới tính của trẻ - Dạy trẻ nói được điều bé thích, không thích
54. Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.	- Tự tin khi tham gia vào hoạt động (trò chơi, hoạt động lao động, vui chơi dã ngoại, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân) và trả lời câu hỏi.
55. Trẻ cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao.	- Thực hiện công việc được người lớn giao như trực nhật: chia giấy vẽ, cất dọn đồ dùng, đồ chơi, xếp cất gối... - Dạy trẻ biết một số quy định ở lớp và gia đình (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ). + Dạy trẻ kỹ năng cầm chổi quét rác.

	+ Dạy trẻ Kỹ năng trang trí bàn ăn + Dạy trẻ kỹ năng tự lấy gối và xếp gối trước khi ngủ, cất gối sau khi ngủ dậy. + Rèn cho trẻ kỹ năng xếp dép, đổi dép trước khi vào lớp...
56. Nhận ra cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh.
57. Biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận.	- Dạy trẻ biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói trò chơi, hát vận động.
58. Nhận ra hình ảnh Bác Hồ và thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.	- Hình ảnh Bác Hồ. Kính yêu Bác Hồ. - Nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ: Bài thơ “Bác Hồ của em”. Chuyện “Quả táo của Bác Hồ
59. Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi xếp cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ.	- Dạy trẻ kỹ năng lấy, cất đồ đồ chơi đúng nơi quy định. - Dạy trẻ kỹ năng xếp áo, quần. - Chờ đến lượt.
60. Biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở và chú ý nghe khi cô, bạn nói.	- Dạy trẻ kỹ năng lễ giáo: Kỹ năng chào cô khi đến lớp, khi có khách, kỹ năng xin lỗi khi mắc lỗi, kỹ năng cảm ơn khi được giúp đỡ
61. Cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.	- Chơi hoà thuận với bạn.
62. Thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây.	- Bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối. + Dạy trẻ trải nghiệm làm vườn
63. Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.	- Nhận biết hành vi “đúng”-“sai”, “tốt”- “xấu”. - Tiết kiệm điện nước - Giữ gìn vệ sinh môi trường.
5. Lĩnh vực giáo dục phát triển thẩm mỹ	
64. Trẻ vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của	- Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.

các sự vật, hiện tượng. 65. Trẻ chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc; thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe kể câu chuyện.	- Nghe các bài hát, bản nhạc(nhạc thiếu nhi, dân ca) * <i>Chủ điểm Bé đến trường mầm non và vui tết trung thu:</i> Cô giáo (Nhạc: Đỗ Mạnh Thường, Lời: Thơ Nguyễn Hữu Tường), ngày đầu tiên đi học, Em đi mẫu giáo (Dương Minh Viên), Đêm pháo hoa (Phạm Tuyên), Chiếc đèn ông sao (Phạm Tuyên) * <i>Chủ điểm Bé và Cơ thể bé :</i> Mừng sinh nhật (Nhạc Anh, Lời: Đào Ngọc Dung); Thật đáng chê (Theo điệu Bắc kim thang); Cho con (Nhạc: Phạm Trọng Cầu, Lời thơ: Tuấn Dũng), * <i>Chủ điểm Gia đình thân yêu của bé và ngày hội cô giáo:</i> Bàn tay mẹ (nhạc: Bùi Đình Thảo, Lời thơ: Tạ Hữu Yên); Mời bạn ăn (Trần Ngọc); Dân ca tự chọn, gửi anh một khúc dân ca. Ru con (Dân ca Nam Bộ), Ba ngọn nến lung linh (Ngọc Lễ), Bé quét nhà (Hà Đức Hậu), Cô giáo (Đỗ Mạnh Thường), mẹ yêu không nào, Khúc hát ru của người mẹ trẻ (Nhạc: Phạm Tuyên, Lời: Lâm Thị Mỹ Dạ)... * <i>Chủ điểm Những nghề bé yêu và ngày lễ 22/12:</i> Màu áo chú bộ đội (Nguyễn Văn Tý), Ước mơ xanh (Lệ Giang); Lớn lên cháu lái máy cày (Kim Hữu); Xe chỉ luôn kim (Dân ca Quan họ Bắc Ninh); Đi cấy (Dân ca Thanh Hóa); ... : * <i>Chủ điểm Những con vật gần gũi:</i> Gà gáy le te (Dân ca Cống Khao), Cò lả (Dân ca đồng bằng Bắc bộ), Tôm cá, cua thi tài (Hoàng Thị Dinh); Lý hoài nam (Dân ca nam bộ); Dân ca tự chọn,... * <i>Chủ điểm Thế giới thực vật, tết cổ truyền và ngày 8/3:</i> Em thêm một tuổi (Trương Quang Lục); Em yêu cây xanh (Hoàng Văn Yến); Cây trúc xinh (Dân ca Quan họ Bắc Ninh); Chúc Xuân (Đinh Trung Chính); Đuổi chim ((Nhạc: Việt Anh, Lời:
--	--

	Nhược Thủy); Vườn cây của ba (Phan Nhân); Lý cây bông (Dân ca Nam Bộ); Hoa trong vườn (Dân ca Thanh Hóa); Bông hoa mừng cô (Trần Thị Duyên) * Chủ điểm Phương tiện- quy định giao thông: Những con đường em yêu (Hoàng Văn Yến) ; Nhớ lời cô dặn (Hong Ngọc); Em đi chơi thuyền (Trần Kiết Tường), Anh phi công ơi! (Nhạc: Xuân Giao, Lời thơ: Xuân Quỳnh), bác đưa thư vui tính... * Chủ điểm Nước và các hiện tượng thiên nhiên: Hạt nắng hạt mưa (Nhạc Khánh Vinh, thơ Lê Bình); Mưa rơi (Dân ca Xá); Bé và trăng ; Bốn mùa. Mây và gió (Minh Quân), Trên cát (Phan hương), Hạt cát lung linh (Yên lam) em bé và viên sỏi (Thơ trần trung đạo, nhạc Phạm văn Hùng), Nghịch cát (Yên Lam) * Chủ điểm Quê hương yêu dấu- Bác Hồ của em: Đêm pháo hoa (Phạm Tuyên); Từ rừng xanh cháu về thăm Lăng Bác (Hoàng Long- Hoàng Lân); Em mơ gặp Bác Hồ (Xuân Giao); Em đi trong tươi xanh (Vũ Thanh), Hòa bình cho bé(Huy Trân) - Vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc
66. Trẻ vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	- Bộc lộ cảm xúc khi ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
67. Trẻ hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc.	- Hát đúng giai điệu lời ca bài hát * Chủ điểm: Bé đến trường mầm non và vui tết trung thu: Ai ra ngoài (Phan Huỳnh Điểu); Đi dạo (Trần Hữu Du); Cô và mẹ (Phạm Tuyên); Cháu đi mẫu giáo (Phạm Minh Tuấn); Hoa bé ngoan (Hoàng Văn Yến); trung thu (Phùng Như Thạch); Rước đèn (Đỗ Mạnh Thường); Quả bóng (Huy Trân).Vui đến trường (Hò Bắc); Em đi mẫu giáo (Dương Minh Viên); Đêm Trung thu (Phùng Như

	Thạch); Trường cháu đây là trường mầm non (Phạm Tuyên); Ngày vui của bé (Hoàng Văn Yến); * Chủ điểm: Bé và Cơ thể bé: Chơi ngón tay (Nhạc Hàn Quốc); Hãy xoay nào (Nhạc Hàn Quốc); Tay thơm tay ngoan (Nhạc - lời: Bùi Đình Thảo); Mừng sinh nhật (Nhạc Anh); Em ngoan hơn búp bê (Phùng Như Thạch); Xòe bàn tay, nắm ngón tay (Minh Quân), Tóm được rồi (Nhạc Anh-Lời Việt: Lê Đức - Thu Hiền); Tập rửa mặt (Hồng Đăng); Nào chúng ta cùng tập thể dục (Thu Hiền); Khám tay (Đào Việt Hưng); Bé quét nhà (Hà Đức Hậu); Đường và chân (Hoàng Long). * Chủ điểm Gia đình thân yêu của bé và ngày hội cô giáo: Biết vâng lời mẹ (Minh Khang); Đi học về (Hoàng Long- Hoàng Lê); Hoa bé ngoan (Hoàng Văn Yến); Chiếc khăn tay (Văn Tấn); Cô và mẹ (Phạm Tuyên); Cháu yêu bà (Xuân Giao); Mừng sinh nhật (Nhạc Hàn Quốc); Rửa mặt như mèo (Hàn Ngọc Bích). Cả nhà thương nhau (Phan Văn Minh); Múa cho mẹ xem (Xuân Giao) Nhà của tôi * Chủ điểm Những nghề bé yêu và ngày lễ 22/12: Đội kèn tí hon (Phan Huỳnh Điểu); Đi một hai (Đoàn Phi); Làm chú bộ đội (Hoàng Long); Em tập lái ô tô (Nguyễn Văn Tý); Bé quét nhà (Hà Đức Hậu); Em vẽ (Phạm Thị Sửu); Tập đi đều (Kim Hữu); Cháu yêu cô thợ dệt (Thu Hiền); Cháu yêu cô chú công nhân (Hoàng Văn Yến)... * Chủ điểm Những con vật gần gũi: Đàn vịt con (Mộng Lân); Voi làm xiếc (Nhạc Anh, lời việt: Phan Hiền); Ai cũng yêu chú mèo (Kim Hữu); Gà trống, Mèo con và cún con (Thế Vinh); Con gà trống (Tân Huyền); Cá vàng bơi (Hà Hải); Chim mẹ, chim con (Mộng Lợi Chung); Con chim non (Kim Hữu); Chú gà trống gọi (Kim Hữu) ; Đàn gà con (Kim Hữu),Con chuồn chuồn (Vũ Đình Lê) Cá vàng bơi (Tân Huyền)... * Chủ điểm Thế giới thực vật, tết cổ truyền và ngày 8/3: Cây bắp cải (Thu Hồng); Bầu bí (Phạm tuyên); Màu hoa (Hồng Đăng); Sắp đến tết rồi (Hoàng Vân); Quà 8/3 (Hoàng Long); Tay thơm, tay ngoan (Bùi Đình Thảo); Mùa xuân đến rồi (Phạm Thị Sửu); Em yêu cây xanh (Hoàng Văn Yến); Thật là hay (Hoàng Lê); Quả (Xanh Xanh).
--	--

	* Chủ điểm Phương tiện- quy định giao thông: Đường em đi (Ngô Quốc Tính); Em đi qua ngã tư đường phố (Hoàng Văn Yến); Bạn ơi có biết (Hoàng Văn Yến); Đoàn tàu nhỏ xíu (Mộng lân); Lái ô tô (Đoàn Phi); Đèn đỏ, đèn xanh (Lương Vĩnh). * Chủ điểm Nước và các hiện tượng thiên nhiên: Trời nắng trời mưa (Đặng Nhất Mai); Trên cát (Nhạc nước ngoài); Mùa hè đến (Nguyễn Thị Nhung; Nắng sớm, (Hàn Ngọc Bích) Cho tôi đi làm mưa, Mưa rơi. * Chủ điểm Quê hương yêu dấu- Bác Hồ của em Hòa bình cho bé (Huy Trân) Múa đàn (Theo điệu dân ca Thái, Lời: Việt Anh); Đi thăm Thủ đô (Bùi Anh Tôn); Quê hương tươi đẹp, Bé em tập nói (Hoàng Long) Nhớ ơn Bác (Phan Huỳnh Điểu)
68. Trẻ biết vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc quen thuộc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa).	- Vận động đơn giản theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc. - Sử dụng dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp - Vận động theo ý thích khi hát/nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc.
69. Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Sử dụng nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm. - Sử dụng một số kỹ năng vẽ để tạo ra sản phẩm đơn giản. - Sử dụng một số kỹ năng cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản.
70. Trẻ vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản.	- Trẻ sử dụng các nguyên vật liệu, đồ dùng để xếp các hình theo yêu cầu và theo ý thích.
71. Trẻ xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản.	- Sử dụng một số kỹ năng lăn lọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để nặn tạo thành các sản phẩm theo yêu cầu của cô.
72. Trẻ lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối.	- Cô hướng dẫn trẻ tạo ra các sản phẩm tạo hình đơn giản theo ý thích. * Chủ điểm: Bé đến trường mầm non và vui tết trung thu: + Tô màu chiếc đèn lồng

	+ Tô màu chùm bóng bay + Tô màu trường mầm non + Tô màu đu quay + Tô màu dây cò. + Dán bập bênh + Dạy trẻ kỹ năng xoay tròn, ấn dẹt, lăn dọc. * Chủ điểm: Bé và Cơ thể bé + Làm chiếc nơ. + Tô màu mũ bé trai, bé gái + Trang trí khăn mùi soa. + Đồ hình bàn tay. * Chủ điểm Gia đình thân yêu của bé và ngày hội cô giáo + Tô màu ngôi nhà của bé. + Tô màu bức tranh gia đình + Dán cái cốc. + Trang trí khay đựng màu vẽ + Dán bông hoa tặng cô giáo * Chủ điểm Những nghề bé yêu và ngày lễ 22/12 + Tô màu một số sản phẩm nghề nông + Làm quà tặng chú bộ đội + Vẽ trang trí túi cứu thương + Vẽ những cuộn len màu. + Dán cái thang + Nặn quà tặng chú bộ đội * Chủ điểm Những con vật gần gũi + Trang trí con sao biển + Tô màu con hươu cao cổ + Vẽ tô màu con gà con + Cắt dán con cá + Xé dán con sứa + Nặn con thỏ * Chủ điểm Thế giới thực vật, tết cổ truyền và ngày 8/3 + Tô màu cây ăn quả + Vẽ tô màu bình hoa + Vẽ tô màu quả cà chua, quả bí xanh
--	---

	+ Vẽ bánh ngày tết + Vẽ những bông hoa bằng vân tay + Xé dán quả chuối. + Xé dán tán lá cây. + Xé dán bánh chưng + Nặn củ, quả dài * Chủ điểm Phương tiện- quy định giao thông + Làm cánh buồm + Ghép hình ô tô + Tô màu kính khí cầu + Vẽ, Tô màu ô tô + Vẽ tô màu xe máy + Dán thuyền buồm + Nặn quà tặng bà, tặng mẹ * Chủ điểm Nước và các hiện tượng thiên nhiên + Xé dán tia nắng mặt trời + Xé, dán đuôi điều. + Vẽ mưa, vẽ cây, cỏ + Xé dán chiếc ô che mưa + Trang trí chiếc phao. * Chủ điểm quê hương yêu dấu Bác Hồ của em + Dán hoa trang trí ảnh Bác + Nặn bánh + Tô màu lăng Bác
73. Xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.	- Trẻ xếp cạnh nhau các sản phẩm tạo hình có cấu trúc đơn giản
74. Nhận xét các sản phẩm tạo hình và đặt tên cho sản phẩm tạo hình	- Nhận xét sản phẩm tạo hình. - Đặt tên cho các sản phẩm tạo hình.

GIÁO DỤC TĂNG CƯỜNG	
75. Tin học: Trẻ biết tắt, mở máy, rê chuột để bấm chơi các trò chơi trên máy tính	- Tổ chức cho trẻ chơi các trò chơi trên máy tính.

76. Ngoại ngữ: Nghe và nhận diện, nhận biết được một số từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật hiện tượng và hành động rất đơn giản quen thuộc với lứa tuổi; Nghe và nhắc lại được từ chỉ số từ 1 đến 3, một số từ, cụm từ rất đơn giản, quen thuộc với lứa tuổi	-Trẻ làm quen với 70 từ tiếng Anh, 5 mẫu câu cơ bản, 05 bài hát, tập làm quen với việc phát âm các âm trong tiếng Anh. . -Yêu thích và hát các bài hát bằng tiếng Anh trong chương trình.
---	--

HIỆU TRƯỞNG

NGƯỜI LẬP KẾ HOẠCH

Nguyễn Thị Bình

Tăng Thị Trúc Linh